TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 3-KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Ông Huỳnh Văn Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Trần Công Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Cẩm Ng - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Pc T 1, xã D P, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn P T 1, xã D T, tỉnh Khánh Hòa).

Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng L - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Pc T 1, xã D P, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn P T 1, xã D T, tỉnh Khánh Hòa).

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Cẩm Ng trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D Đ (nay là xã D L) năm 2019. Trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà và ông L có rất nhiều vấn đề mâu thuẫn, cãi vã trong cuộc sống từ việc nuôi dạy con và gia đình nội ngoại hai bên. Ông L thường xuyên chơi game, không quan tâm đến vợ con, luôn gạt bỏ ý kiến của bà trong mọi vấn đề. Hiện nay, bà và ông L vẫn còn chung sống với nhau nhưng không nói chuyện,

không có sự quan tâm lẫn nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Lê Trần Gia H, sinh ngày 19/4/2020. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hoàng L trình bày:* Về quá trình kết hôn, chung sống đúng như bà Ng đã trình bày. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống giữa ông và bà Ng thỉnh thoảng có cãi vã nhau những chuyện nhỏ nhặt, từ khi bà Ng nộp đơn xin ly hôn với ông thì vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng ít nói chuyện với nhau. Nay bà Ng xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với vợ con nên ông xin Tòa án hủy bỏ việc ly hôn này.

Về con chung: Ông và bà Ng có 01 con chung là Lê Trần Gia H, sinh ngày 19/4/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà Ng nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Ng không có nợ chung.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên chưa hực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Cẩm Ng đối với ông Lê Hoàng L. Về con chung: Giao con chung Lê Trần Gia Hân, sinh ngày 19/4/2020 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà Ng tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà Ng, ông L xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung nên không xét. Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm Ng và ông Lê Hoàng L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân D Đ (nay là xã Xuân L) năm 2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 vào ngày 06/5/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà Ng và ông L có sự mâu thuẫn dẫn đến kình cãi, cả hai đều xác định vẫn còn chung sống với nhau nhưng không có sự quan tâm lẫn nhau từ đó dẫn đến vợ chồng có sự xa cách. Hôn nhân là phải xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà Ng đều xác định không còn tình cảm với ông L, mặc dù ông níu kéo nhưng tình cảm bà dành cho ông L đã không còn. Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, điều này thể hiện ông L có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng và ông L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà Ng và ông L có 01 con chung là Lê Trần Gia H, sinh ngày 19/4/2020. Theo yêu cầu của bà Ng và ý kiến của ông L, cần giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Ng tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Bà Ng và ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà Ng và ông L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Trần Cẩm Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Cẩm Ng được ly hôn với ông Lê Hoàng L.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Trần Gia H, sinh ngày 19/4/2020 cho bà Trần Cẩm Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18

tuổi. Ghi nhận việc bà Ng tự nguyện không yêu cầu ông Lê Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Ng, ông L có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Ng và ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ng và ông L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Cẩm Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001485 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3-Khánh Hòa). Bà Ng đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3-Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 3-Khánh Hòa;
- UBND xã D L (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 06/5/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa